

Số: 37/NQ-HĐND

Vạn Phú, ngày 08 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ dự kiến chi thường xuyên giai đoạn 2026 - 2030 và phân bổ chi tiết năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VẠN PHÚ
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ SÁU (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2025 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán ngân sách Trung ương, kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương năm 2026 cho các bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2025 đến năm 2030; Căn cứ Quyết định số 7619/QĐ-BCA ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Bộ Công an phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 10 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phân cấp, phân quyền quyết định phân bổ chi tiết nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi thường xuyên; phân bổ điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 305/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn và dự kiến chi thường xuyên giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 315/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc Phân bổ dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Vạn Phú về việc phân bổ chi tiết các chương trình MTQG trên địa bàn xã Vạn Phú giai đoạn 2026 - 2030 và năm 2026;

Xét Tờ trình số 206/TTr-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vạn Phú về việc phân bổ dự kiến chi thường xuyên giai đoạn 2026 - 2030 và phân bổ chi tiết năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã và ý kiến thảo luận, biểu quyết của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ dự kiến chi thường xuyên giai đoạn 2026 - 2030 và phân bổ chi tiết năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. Thông qua tổng kinh phí chi thường xuyên Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 xã Vạn Phú.

1. Điều chỉnh tăng kinh phí phân bổ chi thường xuyên Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030: 20.626 triệu đồng, tăng: 3.375 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách xã để đối ứng thực hiện chương trình theo quy định tại Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND ngày 09/6/2026 của HĐND tỉnh Thái Nguyên. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 11.251 triệu đồng.
- Ngân sách tỉnh: 6.000 triệu đồng.
- Ngân sách xã đối ứng: 3.375 triệu đồng

2. Dự kiến phân bổ chi tiết kinh phí chi thường xuyên Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định tại Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 09/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về phân cấp, phân quyền quyết định phân bổ chi tiết nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi thường xuyên.

II. Thông qua phương án phân bổ chi thường xuyên năm 2026 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030: 3.374 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 1.057 triệu đồng.
- Ngân sách tỉnh: 2.000 triệu đồng.
- Ngân sách xã đối ứng: 317 triệu đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Vạn Phú Khóa II, Kỳ họp thứ sáu (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 08 tháng 9 năm 2026. /

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các Ban của HĐND xã;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể xã
- Các đại biểu HĐND xã khóa II;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VP HĐND&UBND xã.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Cừ



PHỤ BIỂU
DỰ KIẾN PHÂN BỐ KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VÀ PHÂN BỐ CHI TIẾT NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIÀM NGHEO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO TÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2030, GIAI ĐOẠN I, TỪ NĂM 2026- 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/9/2026 của HĐND xã Vạn Phú)

Đơn vị tính: Triệu đồng

SỐ TT	NỘI DUNG	Đơn vị thực hiện	Tổng kinh phí chi thường xuyên giai đoạn 2026-2030				Kế hoạch năm 2026	Phân bổ chi tiết kinh phí chi thường xuyên năm 2026			Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách Trung Ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		Ngân sách Trung Ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		
			20.626	11.251	6.000	3.375	3.374	1.057	2.000	317		
I	HỢP PHẦN I		18.546	9.251	5.920	3.375	3.254	967	1.970	317		
1	Nội dung thành phần 1: Hoàn thiện quy hoạch theo quy định bảo đảm đồng bộ, phù hợp, phát huy lợi thế vùng, miền và phát triển bền vững	Trung tâm dịch vụ Tổng hợp xã Vạn Phú	1.800	800	400	600	617	300		317	Trung tâm dịch vụ Tổng hợp xã Vạn Phú	
2	Nội dung thành phần 2 (Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng biến đổi khí hậu)		8.966	3.511	2.680	2.775	300	-	300	-		
	Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả	Trung tâm dịch vụ Tổng hợp xã Vạn Phú	7.666	3.311	1.580	2.775						
	Nội dung 3: Tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai cấp xã nhằm chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục hậu quả thiên tai có hiệu quả thông qua xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, trang bị thiết bị thiết yếu, tổ chức lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai và tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu	Phòng Xây dựng nông nghiệp và Môi trường	1.000		1.000		200		200			
	Nội dung 11: Phát triển hệ thống và hạ tầng kỹ thuật thu gom, xử lý nước thải; thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn; khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp, đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường. Đầu tư, hoàn thiện hệ thống thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn, nước thải hộ gia đình và cụm dân cư ứng dụng công nghệ phù hợp, thân thiện môi trường. Phát triển hạ tầng thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong thu gom, xử lý, tái chế chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp. Tập trung, ưu tiên cho địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo;	Phòng Xây dựng nông nghiệp và Môi trường	300	200	100		100		100		Phòng Xây dựng, nông nghiệp và môi trường	

12

SỐ TT	NỘI DUNG	Đơn vị thực hiện	Tổng kinh phí chi thường xuyên giai đoạn 2026-2030				Kế hoạch năm 2026	Phân bổ chi tiết kinh phí chi thường xuyên năm 2026			Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách Trung Ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		Ngân sách Trung Ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		
3	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường.		670	-	670	-	470	-	470	-		
3.1	Nội dung 02: Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn.	Phòng Kinh tế xã	250		250		50		50		Phòng Kinh tế xã	
3.2	Nội dung 3, Nội dung 4, nội dung 5, nội dung 6, nội dung 7, nội dung 8, nội dung 9, nội dung 10 theo quy định tại Quyết định 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026	Phòng Xây dựng, nông nghiệp và môi trường	420		420		420		420		Phòng Xây dựng, nông nghiệp và môi trường	
4	Nội dung thành phần 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững.	Phòng Văn hóa - xã hội	500	500			-				Phòng Văn hóa - xã hội	
5	Nội dung thành phần 5: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, trợ giúp pháp lý và thúc đẩy bình đẳng giới.	Văn phòng HĐND & UBND xã	300	150	150		50		50		Văn phòng HĐND & UBND xã	
6	Nội dung thành phần 06: Phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn.	Phòng văn hoá - xã hội	1.000	800	200	-	120	-	120	-		
6.1	Nội dung 2: Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ phục vụ đời sống, phát triển kinh tế nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; phát triển và nhân rộng các mô hình “thôn thông minh”.	Văn phòng HĐND & UBND xã	100		100		100		100		Văn phòng HĐND & UBND xã	
		Phòng văn hoá - xã hội	900	800	100		20		20		Phòng văn hoá - xã hội	
7	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực Nông thôn	Phòng Xây dựng, nông nghiệp và môi trường	1.300	1.000	300		400	100	300		Phòng Xây dựng, nông nghiệp và môi trường	
8	Nội dung thành phần 08: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	MTTQ và các đoàn thể	750	450	300		150		150		MTTQ và các đoàn thể	
9	Nội dung thành phần 09: Bảo đảm quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội.		1.560	800	760	-	695	305	390	-		
9.1	Nội dung 01: Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh, toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững;	Ban Chỉ huy quân sự	1.000	300	700		500	245	255		Ban Chỉ huy quân sự	

1

SỐ TT	NỘI DUNG	Đơn vị thực hiện	Tổng kinh phí chi thường xuyên giai đoạn 2026-2030				Kế hoạch năm 2026	Phân bổ chi tiết kinh phí chi thường xuyên năm 2026			Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách Trung Ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		Ngân sách Trung Ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã		
9.2	Nội dung 02: An ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở được bảo đảm, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh từ sớm, từ xa, từ cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại chỗ”, không để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự; kiểm chế, kéo giảm tội phạm, tai nạn giao thông, cháy, nổ trên địa bàn; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động; xây dựng, củng cố, nhân rộng các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, đặc biệt là các mô hình chuyển đổi số, mô hình camera AI giám sát an ninh khu vực nông thôn.	Văn phòng HĐND & UBND xã	60		60		60	60			Văn phòng HĐND & UBND xã	
		Công an xã	500	500			135		135		Công an xã	
10	Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực truyền thông giám sát và đánh giá triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.		1.700	1.240	460	-	452	262	190	-		
10.1	Nội dung 1, Nội dung 2, nội dung 3, nội dung 4 theo quy định tại Quyết định 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 và điều 4 Thông tư 60/TT-BTc	Phòng Văn hóa - xã hội	150	150			30	30			Phòng Văn hóa - xã hội	
10.2	Nội dung 1, Nội dung 2, nội dung 3, nội dung 4 theo quy định tại Quyết định 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 và điều 4 Thông tư 60/TT-BTc	Phòng Kinh tế	150	150			30	30			Phòng Kinh tế	
10.3	Nội dung 1, Nội dung 2, nội dung 3, nội dung 4 theo quy định tại Quyết định 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 và điều 4 Thông tư 60/TT-BTc	Phòng Xây dựng, nông nghiệp và môi trường	1.400	940	460		392	202	190		Phòng Xây dựng, nông nghiệp và môi trường	
2	HỢP PHẦN II		2.080	2.000	80	-	120	90	30	-		
2.1	Nội dung thành phần 2 (Hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân tộc thiểu số miền núi)	Phòng Xây dựng, nông nghiệp và môi trường	2.000	2.000			90	90			Phòng Xây dựng, nông nghiệp và môi trường	
2.2	Nội dung thành phần 03: Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	Phòng Văn hóa - xã hội	80		80		30		30		Phòng Văn hóa - xã hội	
2.3	Nội dung thành phần 05: Công tác truyền thông, tuyên truyền; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.		-									

12